

MỘT SỐ MÔ HÌNH TIẾP CẬN TRONG NGHIÊN CỨU XÃ HỘI DÂN SỰ

Lê Ngọc Hùng*

Khi nghiên cứu về xã hội dân sự (XHDS), các ngành khoa học xã hội khác nhau thường đưa ra những luận điểm khác nhau xuất phát từ việc nhấn mạnh yếu tố này hoặc yếu tố kia của mối quan hệ giữa XHDS với nhà nước, gia đình và thị trường. Trong khi luật học nhấn mạnh sự cần thiết phải phân biệt rõ tổ chức xã hội dân sự (TCXHDS) hợp pháp (trong trường hợp này có thể gọi là xã hội công dân) và TCXHDS bất hợp pháp, thì chính trị học nhấn mạnh yếu tố quyền lực chính trị khi bàn về mối quan hệ giữa chính trị với xã hội dân sự. Trong khi đó kinh tế học lại đề cao tính tự chủ và vai trò của thị trường trong mối quan hệ giữa TCX-HDS và kinh tế.

Để khắc phục tính một chiều trong nghiên cứu về XHDS, cần phải áp dụng xã hội học (XHH) - khoa học chuyên nghiên cứu về mối quan hệ giữa XHDS với các thiết chế xã hội và với tổng thể xã hội.

Tuy nhiên, ngay trong XHH cũng có một số cách tiếp cận nghiên cứu khác nhau về XHDS. Xuất phát từ hành vi luận (behaviorism), một số tác giả tập trung xem xét khuôn mẫu hành vi của TCX-HDS. Xuất phát từ tiếp cận hệ thống, một số tác giả tập trung nghiên cứu vị trí, vai trò, chức năng và cấu trúc của XHDS. Một số tác giả khác nữa thì đặt ra nhiệm vụ nghiên cứu khía cạnh xã hội của các TCX-HDS. Có thể thấy rằng tuy các cách tiếp cận nghiên cứu về XHDS có khác nhau, nhưng chúng đều có điểm chung thống nhất là coi XHDS là một đối tượng nghiên cứu của XHH, mà cụ thể là XHH quản lý.

Xuất phát từ quan niệm coi XHH là khoa học nghiên cứu các quy luật của sự hình thành, vận động và biến đổi của mối quan hệ giữa con người và xã hội² có thể đưa ra định nghĩa như sau về XHDS "Xã hội dân sự là một tổng thể các mối quan hệ giữa con người và xã hội, trong đó các cá nhân thông qua các mối liên kết của mình tạo thành nhóm, tổ chức để thoả mãn những nhu cầu mà nhà nước, thị trường, gia đình hay cá nhân riêng lẻ khó có thể đáp ứng được".

Định nghĩa nêu trên có thể khắc phục được một số hạn chế của một số mô hình nghiên cứu XHDS ở những nước công nghiệp phát triển và góp phần làm sáng tỏ vị trí, vai trò và mối quan hệ giữa XHDS với con người và với xã hội ở những nước đang phát triển, ví dụ như Việt Nam.

1. Mô hình tiếp cận theo thuyết tự do và thuyết tân tự do

Đây là mô hình đặc trưng trong luật học và chính trị học về XHDS ở phương Tây với tên gọi có thể dễ gây hiểu lầm là "chủ nghĩa tự do" (liberalism) và "chủ nghĩa tân tự do" (neo-liberalism). Có thể tìm thấy nguồn gốc sâu xa của mô hình này trong "Tinh thần pháp luật" (1748) của Montesquieu, "Bàn về kế ước xã hội" (1762) của Rousseau và "Nền dân trị ở Mỹ" (1835-1840) của Alexis de Tocqueville. Luận điểm gốc của mô hình

* Lê Ngọc Hùng, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Viện Xã hội học, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

này cho rằng con người phải luôn tuân theo những luật cơ bản như phải tự làm chủ cuộc sống và sống thành xã hội một cách hoà bình, ổn định và trật tự. Montesquieu nhấn mạnh rằng muốn xây dựng và duy trì được trật tự xã hội thì phải phân biệt mối quan hệ chính trị với mối quan hệ dân sự và tương ứng là luật chính trị và luật dân sự. Theo ông, dưới chế độ dân chủ, dân chúng có quyền lực tối cao thì phải tự mình thực hiện những gì có thể làm tốt được và giao những việc không thể tự làm cho những người được dân cử ra để thực hiện⁴.

Rousseau khẳng định rằng con người sinh ra tự do và do đó cần phải tìm ra cách thức để quản lý xã hội sao cho con người đối xử với nhau một cách tự do và bình đẳng. Rousseau chỉ ra cách thức hữu hiệu để con người có được quyền tự do dân sự là công ước xã hội. Rousseau nói đến trạng thái dân sự ở đó “con người dân sự còn có tự do tinh thần khiến anh ta trở thành người chủ thật sự của chính mình; vì rằng làm theo kích thích của dục vọng là nô lệ, mà tuân theo quy tắc tự mình đặt ra lại là tự do”⁵.

Tocqueville đã phân tích sự hình thành các hiệp hội - đoàn thể (ngày nay gọi là các TCXHDS) trong đời sống dân sự (ngày nay là XHDS) và chỉ ra rằng chúng “chẳng hề có tính chất chính trị”⁶. Ông cho rằng trong xã hội dân trị như ở Mỹ, mỗi công dân đều độc lập và không có thể lực gì nếu như không biết cách kết hội với nhau⁷. Khi đó nhóm, hội trở thành phương tiện, công cụ hành động đầy sức mạnh mà người dân có thể sử dụng để cùng thực hiện những mục tiêu mà từng cá nhân riêng lẻ không thể làm được. Tocqueville cho rằng các tổ chức dân sự tạo điều kiện dễ dàng cho các tổ chức chính trị hoạt động có hiệu quả và ngược lại, các tổ chức chính trị có khả năng thúc đẩy phát triển và hoàn thiện các tổ chức dân sự⁸.

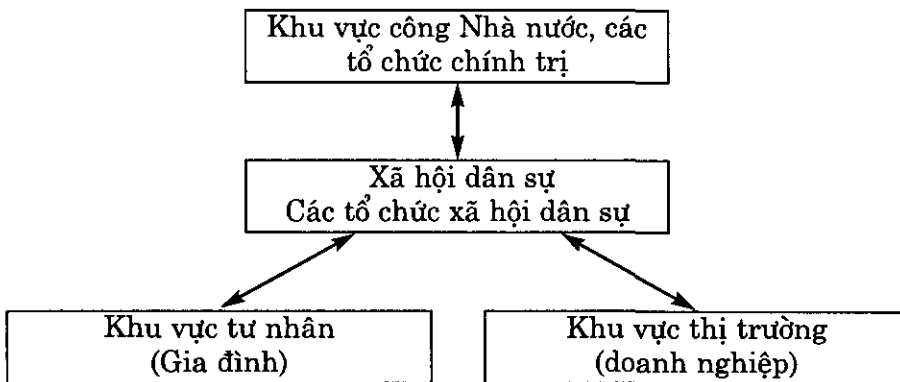
Từ những luận điểm cơ bản này, thuyết tự do đã phát triển quan niệm về XHDS như là khu vực trung gian làm cầu nối

giữa nhà nước và gia đình. Thuyết tân tự do nhấn mạnh tính độc lập của XHDS khi đề cao tính tự chủ của các tổ chức XHDS. Các luận điểm của thuyết tự do và tân tự do được ủng hộ bởi quan niệm kinh tế tự do khi cho rằng, nhà nước cần giảm bớt vai trò điều tiết để các cá nhân và nhóm người tự do sản xuất và kinh doanh theo sự điều khiển của các quy luật thị trường. Nhưng khi nhận thấy sức mạnh điều khiển to lớn nhằm mục tiêu kiếm lợi nhuận một cách “không tình không nghĩa”, những người theo thuyết tân tự do đã mở rộng tiêu chuẩn độc lập khi bàn về XHDS. Theo thuyết tân tự do, XHDS và TCXHDS tách ra khỏi gia đình và tồn tại, phát triển độc lập với cả nhà nước và thị trường. Do vậy, theo thuyết tự do và thuyết tân tự do, trong bảng phân loại TCXHDS không có tổ chức chính trị, tổ chức nhà nước, tổ chức kinh tế, mà có các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức hiệp hội, hiệp đoàn.

Các nhà nghiên cứu theo thuyết tự do và thuyết tân tự do thường quá nhấn mạnh khía cạnh “tự do” từ góc độ cá nhân luận mà xem nhẹ cấu trúc xã hội. Do đó, Talcott Parsons cho rằng tự do của cá nhân không tách rời cấu trúc xã hội với hệ các giá trị chuẩn mực chung nhằm đảm bảo sự trật tự, thống nhất, hài hoà của cả xã hội. Từ đó đặt ra vấn đề kết hợp hài hoà tiểu hệ thống kinh tế, chính trị, văn hoá, pháp luật khi bàn về XHDS trong bối cảnh nhất định của xã hội⁹.

Sơ đồ dưới đây mô tả tính độc lập tương đối của XHDS trong mối quan hệ giữa khu vực công gồm nhà nước, các tổ chức chính trị với khu vực tư gồm chủ yếu là gia đình và khu vực thị trường đang cạnh tranh mạnh mẽ với gia đình và nhà nước trong việc điều khiển hành vi của con người. Việc áp dụng tiêu chuẩn “tính độc lập” gặp phải khó khăn rất lớn khi nghiên cứu về các TCXHDS ở những nước như Việt Nam, nơi có nhiều tổ chức chính trị - xã hội và nhiều tổ chức xã hội được sự bảo trợ trực tiếp của nhà nước trung ương và chính quyền địa phương.

Sơ đồ 1. Tính độc lập của xã hội dân sự



3. Mô hình tiếp cận xã hội dân sự theo thuyết chức năng - cấu trúc

Các nhà nghiên cứu sử dụng các biến thể khác nhau của thuyết chức năng - cấu trúc, nhưng cùng thống nhất ở những luận điểm cơ bản mà Herbert Spencer, Emile Durkheim, Talcott Parsons đã phát triển. Thuyết chức năng - cấu trúc coi xã hội như một cơ thể sống được cấu tạo bởi các thành phần khác nhau, mà mỗi thành phần đóng vai trò hay chức năng cần thiết cho sự tồn tại và phát triển của cả cơ thể. Các nhà nghiên cứu theo thuyết chức năng - cấu trúc cổ điển thường nhấn mạnh mặt này hoặc mặt kia của song đề “cấu trúc xã hội và hành động xã hội”. Thuyết chức năng - cấu trúc đương đại với tác giả tiêu biểu là Athony Giddens giải quyết song đề này bằng cách coi cấu trúc xã hội và hành động xã hội là hai mặt của một quá trình cấu trúc hoá trong đó diễn ra môi tương tác xã hội và sự phụ thuộc lẫn nhau của các cá nhân, nhóm và tổ chức.

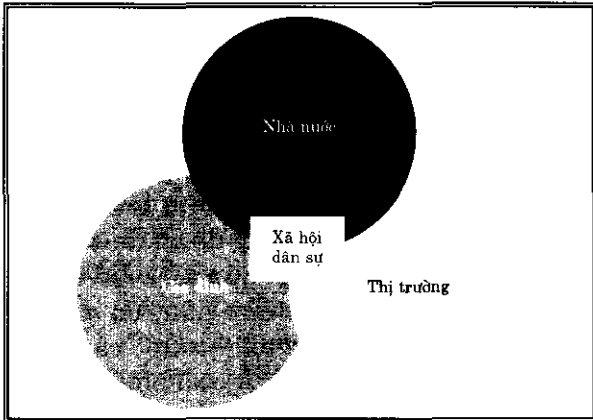
Theo cách tiếp cận chức năng - cấu trúc, XHDS là loại cấu trúc xã hội có những chức năng nhất định trong việc góp phần tạo nên một xã hội trật tự, hài hoà, lành mạnh, tốt đẹp cho tất cả mọi thành viên của xã hội. Đồng thời, theo cách tiếp cận này, các TCXHDS là phương tiện, công cụ để các cá nhân thực hiện những hành vi, hoạt động đáp ứng nhu cầu mà đời sống dân sự đòi hỏi. Luận điểm gốc của mô hình này là XHDS với các TCXHDS được cấu trúc và tái tạo cấu trúc không ngừng để thực hiện những vai trò, chức năng cần thiết cho sự

phát triển xã hội theo hướng tiến bộ, công bằng, tự do, dân chủ, văn minh.

Nếu mô hình tiếp cận theo thuyết tự do và tân tự do không cho biết XHDS là tốt hay xấu, thì mô hình thứ hai có xu hướng đề cao tính hướng thiện của XHDS. Tuy nhiên, trên thực tế không có gì đảm bảo là các tổ chức XHDS đều “tốt” và không có TCXHDS “xấu” vì nhiều lý do, trong đó có lý do bị những thế lực phản động lợi dụng. Điều này liên quan tới tính hai mặt của quá trình toàn cầu hoá với sự tham gia tích cực của các tổ chức phi chính phủ quốc tế trong những thập niên cuối thế kỷ 20 và sự xuất hiện của khái niệm “xã hội dân sự toàn cầu”. Câu hỏi được đặt ra khi nghiên cứu mô hình này là làm thế nào để các tổ chức phi chính phủ quốc tế (NGO), các TCXHDS toàn cầu đem lại nhiều điều “tốt” cho các nước phát triển, nơi không ít các NGO và các TCXHDS trong nước có thể độc lập với nhà nước nhưng lại đang lặng lẽ phụ thuộc vào các nhà tài trợ quốc tế hay các TCXHDS toàn cầu. Nếu mô hình tự do luận và tân tự do luận luôn đòi hỏi phải tách biệt rõ ràng giữa nhà nước, thị trường và gia đình khi nói đến vị trí và vai trò độc lập của XHDS, thì mô hình thứ hai này luôn nhấn mạnh sự tương tác giữa ba khu vực trong việc tạo ra XHDS.

Sơ đồ 2 mô tả ranh giới giữa các TCXHDS với các loại tổ chức khác trong xã hội. Rõ ràng danh giới này là hết sức mập mờ, dễ chồng chéo lẫn nhau, cho thấy sự cần thiết phải đưa các tổ chức chính trị - xã hội vào danh sách nghiên cứu về các TCXHDS.

Sơ đồ 2. Quan hệ giữa xã hội dân sự với nhà nước, gia đình và thị trường



4. Mô hình tiếp cận hậu hiện đại

Đây là mô hình tiếp cận rất mới đối với không ít giới nghiên cứu về TCXHDS Việt Nam bởi một điều đơn giản là Việt Nam đang trên đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tuy nhiên, xét kỹ có thể thấy một số yếu tố của xã hội hậu hiện đại đã xuất hiện, ví dụ như xu thế duy lý hoá đời sống với vai trò ngày càng tăng của lực lượng khoa học - công nghệ. Đại diện tiêu biểu của cách tiếp cận hậu hiện đại là Michel Foucault, Francois Loytard^{10a} và nhiều người khác luôn đặt trọng tâm nghiên cứu vào những chủ đề như hệ các giá trị và các quy tắc, diễn ngôn (discourse), quá trình giao tiếp, quan hệ quyền lực giữa các thành phần trong xã hội.

Mô hình này nhấn mạnh rằng lĩnh vực công (public sphere) hay khu vực công (public sector) không đối lập với khu vực nhà nước, mà là một cực đối lập với khu vực tư (private sphere). Theo mô hình này, XHDS đóng vai trò là diễn đàn công khai thảo luận, trao đổi, đối thoại, tức là diễn ngôn (discourse) về những vấn đề chung, vấn đề xã hội hoặc của các cá nhân, tổ chức. Vai trò chính của XHDS ở đây là tạo ra sự chia sẻ, sự đồng thuận, chấp nhận nhau, hiểu biết lẫn nhau và sự khoan dung, độ lượng của các bên tham gia đối thoại

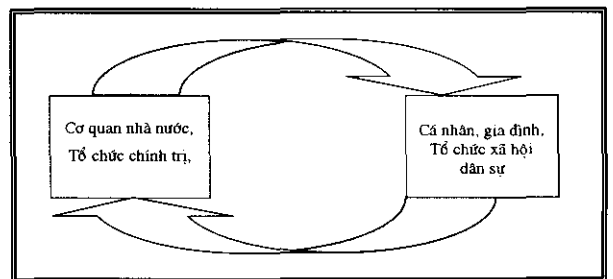
công khai, thảo luận công cộng. Cách tiếp cận này không nhấn mạnh sự cần thiết phải tách biệt XHDS với nhà nước, thị trường, gia đình, mà nhấn mạnh vai trò của XHDS trong việc

trình bày, biểu đạt, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá trong quá trình giao lưu, tiếp nhận và tiếp cận các giá trị xã hội. Mô hình này gợi ra một ý tưởng hết sức quan trọng và cần thiết là khi nghiên cứu XHDS cần tính đến bối cảnh văn hoá để xác định hệ các giá trị của các hành vi XHDS và các trải nghiệm của con người khi tham gia XHDS.

Sơ đồ 3 dưới đây nhấn mạnh rằng XHDS là một quá trình xã hội, tương tác xã hội, sự diễn ngôn và khẳng định xã hội đối với các bên tham gia.

Cả ba mô hình tiếp cận nêu trên tạo thành cơ sở cho những nghiên cứu quốc tế với quy mô lớn về XHDS trên thế giới, trong đó nổi bật nhất là nhóm các nghiên cứu về chỉ số XHDS do CIVICUS (Liên minh toàn cầu vì sự tham gia của công dân) thực hiện ở gần 50 quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. CIVICUS đã đưa ra định nghĩa có tính chất tổng hợp ba cách tiếp cận đã nêu như sau: XHDS là diễn đàn, ngoài gia đình, nhà nước và thị trường, nơi mọi người liên kết với nhau để thúc đẩy các lợi ích chung. Định nghĩa này được dùng trong các nghiên cứu của CIVICUS thông qua xem xét bốn chỉ số cơ bản là cấu trúc của XHDS, môi trường hoạt động của XHDS, các giá trị trong XHDS và tác động của XHDS đối với đời sống của dân chúng và xã hội nói chung.

Sơ đồ 3. Mô hình tương tác và diễn ngôn của XHDS



Nhóm nghiên cứu quốc tế thứ hai về XHDS là các cuộc điều tra nhóm lợi ích của Nhật Bản do giáo sư Uytaka của trường Đại học Tsukuba chủ trì thực hiện từ cuối những năm 1990. Các cuộc điều tra về XHDS này tập trung vào các nước châu Á và một số nước khác, do vậy rất cần được tham khảo khi tìm hiểu XHDS ở Việt Nam. Ví dụ, một kết quả của nghiên cứu theo hướng này về cơ cấu các loại TCXHDS ở bảy nước cho thấy có sự khác biệt rất lớn về từng loại TCXHDS giữa các nước này.

Các nghiên cứu quốc tế nêu trên về XHDS đều định nghĩa XHDS thông qua khái niệm TCXHDS và đều nhấn mạnh tiêu chuẩn “độc lập” với nhà nước, gia đình, thị trường. Do vậy, các nghiên cứu này đã gặp không ít khó khăn trong việc nhận diện và phân loại các TCXHDS khi đứng trước nhóm các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức kinh tế.

5. Mô hình tiếp cận quan hệ con người và xã hội: tam giác xã hội dân sự

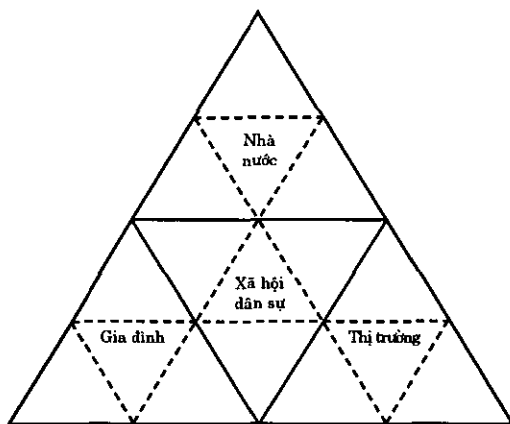
Từ cách đặt vấn đề và phân tích nêu trên, có thể đề xuất hướng tiếp cận thứ tư đặc trưng cho xã hội học trong nghiên cứu XHDS. Đó là hướng tiếp cận quan hệ luận đã nêu ở đầu bài viết, trong đó nhấn mạnh hệ thống các quan hệ giữa con người và xã hội với tư cách là thiết chế, thể chế, định chế (institution) và tổ chức (organizations) của xã hội. Mô hình tam giác XHDS dưới đây cho thấy một xã hội phát triển lành mạnh sẽ giống như một hình tam giác đều được tạo

nên bởi bốn tam giác đều bên trong là gia đình, thị trường, nhà nước và XHDS. Ở cấp độ vĩ mô - chính thức có thể phân biệt rõ ràng bốn tam giác thành phần này. Ở cấp độ vi mô - phi chính thức cũng có thể thấy mỗi một hành vi của gia đình, thị trường, nhà nước hay hành vi XHDS đều chứa đựng các yếu tố này.

Về mặt lý luận, mô hình tam giác XHDS giúp giải quyết một số song đề, ví dụ song đề “nhà nước và nhân dân” qua một diễn ngôn nổi tiếng là “nhà nước của dân, do dân, vì dân”. Đối với song đề “tốt - xấu”, cần thấy rằng XHDS là một hiện thực xã hội trong đó con người có thể vừa sống vừa cải tạo cuộc sống dân sự để làm cho cả xã hội vận hành bình thường nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của mỗi người. Miếng bánh phúc lợi và cả nguồn vốn xã hội mà XHDS đem lại phụ thuộc vào việc sản xuất ra cả chiếc bánh phúc lợi của xã hội với xu hướng ngày càng to hơn, chứ không chỉ đơn giản là sự phân chia một cách công bằng miếng bánh đó. Điều này, theo Pareto có nghĩa là cần phải tìm ra cách thức làm to cả chiếc bánh phúc lợi của xã hội để mỗi phần được chia cho gia đình, thị trường, nhà nước và XHDS đều tăng lên một cách tương ứng theo hướng công bằng, bình đẳng xã hội.

Về mặt thực tiễn, như Marx đã chỉ rõ, sự phát triển XHDS là một quá trình lịch sử tự nhiên, đòi hỏi những hành động cách mạng để biến xã hội công dân kiểu cũ - xã hội của các công dân với tính cách là các cá nhân vị kỷ, thành xã hội công dân kiểu mới - xã hội của các cá nhân độc lập có tính cách pháp nhân^{1a}. Khi kinh tế thị trường chưa phát triển hoặc nhà nước bao cấp toàn bộ đời sống của người dân, thì mô hình tam giác XHDS sẽ không còn đều đặn mà bị biến dạng, có khi méo mó thành tam giác nhọn, tam giác bẹt. Khi đó, xuất hiện nhiều loại tổ chức như “hội đồng hương”, những tổ chức dựa vào quan hệ gia đình, dòng họ. Điều này chứng tỏ rằng, sự biến đổi của XHDS gắn liền với sự biến đổi của gia đình, thị trường và nhà nước. Sự tiến bộ của công nghệ - thông tin cũng góp phần tạo nên những kiểu mạng quan hệ trên internet, làm phong phú cho

Sơ đồ 4. Mô hình tam giác xã hội dân sự



các kiểu, loại quan hệ xã hội.

Mô hình này gợi ra hướng giải quyết vấn đề phân loại các TCXHDS. Đó là, mặc dù TCXHDS có thể bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội, nhưng nếu lạm dụng việc đưa loại tổ chức này vào danh sách các TCXHDS thì cũng đồng nghĩa với việc làm lẫn lộn vai trò, chức năng của các loại tổ chức trong xã hội. Do đó, trọng tâm của nghiên cứu về XHDS sẽ phải là cơ chế phối hợp hoạt động liên cấp giữa TCXHDS với các loại tổ chức khác của xã hội. Trong trường hợp này, có thể cần phải áp dụng phương pháp nghiên cứu loại hình lý tưởng mà Weber đã nêu ra để nghiên cứu mối quan hệ của XHDS với các yếu tố khác của xã hội. Khi đó, trọng tâm là chỉ ra được các đặc trưng của TCXHDS với tính cách là một loại hình lý tưởng, tức là những tổ chức xã hội được thành lập nhằm đáp ứng những nhu cầu mà gia đình, thị trường hay nhà nước khó có thể đáp ứng đầy đủ.

6. Một số vấn đề xã hội dân sự ở Việt Nam

Mãi đến năm 2006, Dự án CIVICUS CSI-SAT mới công bố báo cáo về Đánh giá ban đầu về xã hội dân sự tại Việt Nam. Theo Báo cáo này trung bình một người Việt Nam tham gia 2,3 tổ chức nhiều hơn cả người Trung Quốc - 0,33 tổ chức và người Xingapor - 0,86 tổ chức. Có tới 73,5% người Việt Nam tham gia ít nhất một tổ chức; 28,5% người Việt Nam tham gia tổ chức chính trị, trong khi đó tỉ lệ này ở Trung Quốc là 8,3% và ở Xingapor là 0,4%. Các con số này cho thấy sự tham gia rộng rãi của người Việt Nam trong các tổ chức của xã hội, tuy nhiên vẫn có không ít câu hỏi về chiều sâu và thực chất của sự tham gia các tổ chức.

Mặc dù tỉ lệ số người tham gia các tổ chức cao nhưng nhiều người, ngay cả cán bộ công chức cũng không biết, không nghe thấy khái niệm xã hội dân sự. Một khảo sát về vấn đề này cho thấy: 49% công chức ở Hà Nội không biết đến XHDS, tỉ lệ này ở thành phố Hồ Chí Minh là 42,6% và ở các tỉnh khác là 70%. Qua một vài số liệu vừa nêu có thể thấy một mặt vẫn còn nhiều vấn đề về lý luận cần nghiên cứu về XHDS ví dụ như các nguyên

tắc và lĩnh vực hoạt động của XHDS. Mặt khác cần nghiên cứu làm rõ không chỉ mức độ rộng rãi của việc tham gia các tổ chức của xã hội trong đó có tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội mà các tổ chức XHDS khác ví dụ như nghiên cứu về chiều sâu của sự tham gia và cơ chế, ích lợi của sự tham gia của người dân vào các tổ chức xã hội dân sự ở Việt Nam hiện nay.

Tóm lại, khi nghiên cứu XHDS, một số mô hình tiếp cận của phương Tây có vẻ lúng túng trong phân loại TCXHDS. Ở đây câu hỏi được đặt ra là: có nhất thiết phải tập trung vào thống kê các TCXHDS không, hay nên tập trung vào tìm hiểu thể chế, năng lực, vị trí, vai trò, chức năng của XHDS? Có nhất thiết phải áp dụng tiêu chuẩn tính độc lập của XHDS không hay cần phải tính đến mối quan hệ biện chứng giữa XHDS với các bộ phận khác của xã hội? Câu trả lời là: không nhất thiết phải thống kê các TCXHDS và không nhất thiết phải áp dụng tiêu chuẩn tính độc lập của XHDS, mà cần tập trung nghiên cứu và phát huy vị trí, vai trò của TCXHDS trong quản lý xã hội nhằm mục tiêu phát triển xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Mặc dù nghiên cứu về các TCXHDS theo phương pháp định lượng, ví dụ, thống kê các loại TCXHDS là cần thiết, quan trọng, nhưng cần áp dụng cả phương pháp phân tích trường hợp, phương pháp nhân học để đánh giá được mối tương tác cũng như các chiến lược ứng xử trong XHDS. Ví dụ, phương pháp định tính giúp trả lời câu hỏi đại loại như người dân sẽ ứng xử như thế nào, trải nghiệm như thế nào khi tham gia mạng lưới XHDS mà họ đã tạo dựng không phải bên ngoài nhà nước hay ngoài thị trường, mà trong lòng mối quan hệ giữa nhà nước - thị trường - gia đình?

Từ góc độ xã hội học lãnh đạo - quản lý, XHDS cần được xem xét trong mối quan hệ "song trùng". Một là, với con người với tư cách là cá nhân, công dân và thành viên của tổ chức. Hai là, với các thiết chế xã hội và cả hệ thống xã hội trong điều kiện đổi mới cơ chế quản lý chuyển từ cơ chế bao cấp sang

cơ chế thị trường. Đối với quản lý XHDS, cần vận dụng phương pháp liên cấp từ vi mô đến vĩ mô và phương pháp liên ngành chính trị học, kinh tế học, luật học và xã hội học mà hạt nhân là phương pháp tiếp cận quan hệ con người và xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anthony Giddens (1987), *Social Theory and Modern Sociology*, Standford California: Standford University Press.
- C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n Toản tập, *Tập 1*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hà Nội, 2000.
- Dự án CIVICUS CSI-SAT, “Đánh giá ban đầu về xã hội dân sự tại Việt Nam”, Báo cáo nghiên cứu Của UNDP 2006, Hà Nội.
- Jean-Francois Lyotard (2008), *Hoàn cảnh hậu hiện đại*, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội
- Jean-Jacques Rousseau (2006), *Bàn về kế ước xã hội (1762)*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006, Tr. 73-74.
- Lê Ngọc Hùng (2008), *Lịch sử và lý thuyết xã hội học*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Phan Nhạc Linh (2008), “Nhận thức của công chức Việt Nam về xã hội dân sự”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, Số tháng 6/2008. Tr. 62-66.
- Montesquieu (2006), *Bàn về tinh thần pháp luật*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
- Tocqueville (2007), *Nền dân trị Mỹ*, Tập 2, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.
- Talcott Parsons (1952), *The Social System*, Illinois: The Free Press.

- 1 Bài viết này dựa vào tham luận của tác giả tại Hội thảo Các tổ chức xã hội dân sự trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam” do CIEM-DANIDA tổ chức vào ngày 16/5/2007 tại Hà Nội.
- 2 Lê Ngọc Hùng, *Lịch sử & lý thuyết xã hội học*, Nhà xuất bn Khoa học xã hội, Hà Nội, 2008. Tr. 33.
- 3 Montesquieu, *Bàn về tinh thần pháp luật*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006. Tr. 42.
- 4 Montesquieu. Sđd. Tr. 48.
- 5 Jean-Jacques Rousseau, *Bàn về kế ước xã hội (1762)*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006. Tr. 73-74.
- 6 Tocqueville. *Nền dân trị Mỹ*, Tập 2, Nhà xuất bản Tri thức. Hà Nội. 2007. Tr. 172
- 7 Tocqueville. Sđd. 173.
- 8 Tocqueville. Sđd. Tr. 184.
- 9 Talcott Parsons, *The Social System*, Illinois: The Free Press, 1952. Tr. 136-137.
- 10 Anthony Giddens, *Social Theory and Modern Sociology*. Standford California: Standford University Press. 1987. Tr. 60-61.
- 10a Jean-Francois Lyotard, *Hoàn cảnh hậu hiện đại*, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội, 2008. Lê Ngọc Hùng, *Lịch sử & Lý thuyết xã hội học*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội. 2008. Tr. 304-311.
- 11 Dự án CIVICUS CSI-SAT, *Đánh giá ban đầu về xã hội dân sự tại Việt Nam*, Báo cáo nghiên cứu của UNDP, Hà Nội. Tháng 1 năm 2006.
- 11a C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, *Toản tập*, Tập 1, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 1995. Tr. 555-557.
- 12 Dự án CIVICUS CSI-SAT, *Đánh giá ban đầu về xã hội dân sự tại Việt Nam*, Báo cáo nghiên cứu của UNDP, Hà Nội. Tháng 1 năm 2006.
- 13 Phan Nhạc Linh (2008), “Nhận thức của công chức Việt Nam về xã hội dân sự”, *Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông*, Số tháng 6/2008. Tr. 62-66.